

Số: 17 /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 12 tháng 7 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Về nhiệm vụ, giải pháp tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2018 – 2020, định hướng đến năm 2030**

**CÔNG VĂN ĐẾN**

Số: 24/25587/2018

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 7**

SAO GỬI	CHỦ YẾU	THAM GIA
CT N.V.Tùng		<input checked="" type="checkbox"/>
PCT TT.N.X. Quân		<input checked="" type="checkbox"/>
PCT L.K.Nam	<input checked="" type="checkbox"/>	
PCT L.T.Sơn		
PCT P.V.Hà		
PCT N.V.Thành		<input checked="" type="checkbox"/>
CVVP N.K.Pha		<input checked="" type="checkbox"/>
PCVP B.B.Son		
PCVP T.H.Kiến		
PCVP N.H.Lương		
P. XDGTCT		
P. NNTNMT		
P. TCNS		
P. VXNC	<input checked="" type="checkbox"/>	
P. KTGSTĐKT		
P. TH		
P. KSTTHC		
VP BCSD		
BAN TCD		
P. HCTC		
P. QTTV		
TTTTTH		
TTHN		
NKTP		

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Căn cứ Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân ngày 30/6/1989;  
Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;  
Căn cứ Nghị quyết số 43/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm giai đoạn 2016 - 2020;  
Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;  
Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 04/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về “Phê duyệt Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030”;  
Xét Tờ trình số 74/TTr-UBND ngày 18/6/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thông qua Đề án về “Nhiệm vụ, giải pháp tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030”; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa-Xã hội HĐND thành phố, ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Đề án số 3657/ĐA-UBND ngày 18/6/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về “Nhiệm vụ, giải pháp tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030” (có Đề án và phụ lục kèm theo) với một số nội dung chủ yếu như sau:

**I. NHIỆM VỤ**

**1. Nhiệm vụ đến năm 2020**

- Phấn đấu thực hiện đầy đủ các mục tiêu, chỉ tiêu liên quan trong Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; tạo sự chuyển biến tích cực, rõ nét, toàn diện trên các mặt về công tác bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Nâng cao ý thức đạo đức nghề nghiệp, kiến thức hiểu biết và thực hành về an toàn thực phẩm của các nhóm đối tượng. Người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người tiêu dùng và các đối tượng kinh doanh dịch vụ liên quan có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm.

- Tăng cường năng lực của hệ thống quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và tổ chức, thực hiện phân tích một số nguy cơ cao về an toàn thực phẩm, duy trì Phòng Kiểm nghiệm đạt chuẩn ISO 17025.

- Cải thiện rõ rệt tình trạng bảo đảm an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm. Cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm quy mô công nghiệp tập trung được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm; áp dụng hệ thống đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm, thực hành vệ sinh tốt, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm. Các cơ sở dịch vụ phục vụ chế biến thủy sản; thu mua nguyên liệu; sơ chế nông, lâm, thủy sản đạt quy định về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và áp dụng các chương trình quản lý chất lượng, quy phạm vệ sinh chuẩn.

- Thực phẩm lưu thông trên thị trường cơ bản được kiểm soát về nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng. Xây dựng và phát triển “chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn”, phấn đấu tổng sản lượng sản phẩm, thực phẩm tham gia “chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn” đạt 50% nhu cầu tiêu thụ sản phẩm, thực phẩm cùng loại trên địa bàn.

- Hình thành hệ thống cảnh báo nhanh về an toàn thực phẩm; chủ động giám sát môi nguy, ngăn ngừa có hiệu quả tình trạng ngộ độc thực phẩm cấp tính; hạn chế tới mức thấp nhất các vụ ngộ độc thực phẩm trên 30 người mắc và tử vong do ngộ độc thực phẩm.

## **2. Nhiệm vụ đến năm 2030**

Kiểm soát hiệu quả an toàn thực phẩm, cơ bản không để xảy ra mất an toàn thực phẩm, thực hiện kiểm soát theo chuỗi; 100% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người quản lý và người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm; 100% cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm đạt điều kiện an toàn thực phẩm.

## **3. Một số chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020 và năm 2030**

*(Có phụ lục kèm theo)*

## **II. GIẢI PHÁP**

### **1. Nhóm giải pháp về chỉ đạo điều hành**

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp chính quyền đối với công tác bảo đảm an toàn thực phẩm; giao trách nhiệm và đưa các chỉ tiêu bảo đảm an toàn thực phẩm vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- HĐND các cấp ban hành nghị quyết chuyên đề về công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại địa phương. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát của HĐND các cấp đối với công tác bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Tăng cường sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, xác định đây là một nhiệm vụ trọng tâm của chính quyền các cấp. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phải chịu trách nhiệm toàn diện đối với công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm các cấp và hoạt động phối hợp liên ngành; sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và với các đơn vị liên quan, đặc biệt là sự phối hợp giữa các ngành Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương. Xây dựng cơ chế, chính sách về an toàn thực phẩm của thành phố phù hợp với từng giai đoạn phát triển, đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo đảm an toàn thực phẩm trong tình hình mới.

- Mặt trận Tổ quốc và các hội, đoàn thể các cấp tích cực vận động nhân dân, hội viên, đoàn viên thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm; tăng cường các hoạt động giám sát, phản biện xã hội và phản ánh về việc chấp hành các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm.

## **2. Nhóm giải pháp chuyên môn kỹ thuật**

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về an toàn thực phẩm, phổ biến pháp luật và ý thức trách nhiệm đối với những người trực tiếp sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm. Triển khai mạnh mẽ, đồng bộ, hiệu quả các hoạt động thông tin, truyền thông, giáo dục đạo đức nghề nghiệp, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm tới tất cả các nhóm đối tượng trong cộng đồng; xây dựng các chuyên mục về an toàn thực phẩm trên Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng; xây dựng và phát triển các kỹ năng truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng; nâng cao chất lượng các tài liệu và thông điệp truyền thông.

- Nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc các Sở Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và Ủy ban nhân dân các quận, huyện đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phân công công chức văn hóa - xã hội thực hiện nhiệm vụ theo dõi công tác bảo đảm an toàn thực phẩm theo hình thức kiêm nhiệm.

- Tăng cường năng lực cho hoạt động thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm của các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 23/3/2018 của Chính phủ về việc thí điểm thực hiện thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm tại huyện, quận, thị xã

và xã, phường, thị trấn của 07 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; phạm vi thí điểm không quá 25% số đơn vị hành chính cấp huyện và không quá 20% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc đơn vị hành chính cấp huyện được lựa chọn thí điểm, trên cơ sở sử dụng đội ngũ công chức, viên chức hiện có, không làm tăng biên chế.

- Củng cố, kiện toàn các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đảm bảo đủ biên chế hoạt động trong lĩnh vực an toàn thực phẩm trên địa bàn; thiết lập hệ thống thông tin liên thông giữa các cơ quan kiểm tra nhà nước.

- Tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm; đặc biệt các quy định về điều kiện vệ sinh bảo đảm an toàn thực phẩm của các cơ sở bếp ăn tập thể, cơ sở cung cấp suất ăn sẵn, nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, lễ hội, thức ăn bày bán trên đường phố, chợ, cảng, trường học, khu, cụm công nghiệp và tại các doanh nghiệp. Thực hiện tốt việc hậu kiểm đối với các sản phẩm thực phẩm tự công bố. Tăng cường giám sát công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, cơ sở kinh doanh các mặt hàng thủy sản; giám sát và vận động người dân trồng rau theo mô hình VietGAP. Xử lý nghiêm, triệt để các cơ sở vi phạm, công khai các cơ sở vi phạm trên phương tiện thông tin đại chúng; đồng thời biểu dương, khen thưởng tổ chức, cá nhân thực hiện tốt các quy định bảo đảm an toàn thực phẩm. Có cơ chế phối hợp hoạt động giữa lực lượng thanh tra, kiểm tra của sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; tổ chức hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo hoặc bỏ ngỏ. Thực hiện lấy mẫu kiểm tra chất lượng trong thanh tra, kiểm tra, mẫu giám sát chất lượng tại cơ sở sản xuất và trên thị trường; thanh tra, kiểm tra kết hợp với tuyên truyền việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

- Nâng cao năng lực các phòng kiểm nghiệm về an toàn thực phẩm đạt chuẩn ISO 17025 và GLP, từng bước hiện đại hóa trang thiết bị kiểm nghiệm an toàn thực phẩm nhằm nâng cao chất lượng xét nghiệm; thực hiện được các xét nghiệm cơ bản và chuyên sâu về an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục triển khai và nhân rộng các mô hình quản lý an toàn thực phẩm tiên tiến. Áp dụng các mô hình thực hành sản xuất tốt trong sản xuất rau, quả, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản. Phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và sản xuất nông nghiệp hữu cơ tạo ra các sản phẩm nông sản sạch. Nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp chế biến thực phẩm, tư vấn và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng an toàn thực phẩm tiên tiến (GMP, GHP, HACCP, ISO 22000). Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý các cơ sở sản xuất, chế biến, cung cấp thực phẩm trên địa bàn thành phố; phần mềm truy xuất nguồn gốc, xuất xứ thực phẩm trên thị trường.

- Nâng cao năng lực hệ thống phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm. Xây dựng hệ thống cảnh báo và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm; từng bước phân tích, xác định nguy cơ chủ yếu gây mất an toàn thực

phẩm, ngộ độc thực phẩm và quản lý có hiệu quả các nguy cơ đó. Duy trì đường dây nóng tiếp nhận thông tin về an toàn thực phẩm; xử lý hiệu quả các vụ ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh bổ sung các kế hoạch xây dựng khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và phát triển mạng lưới chợ trên địa bàn thành phố.

### **3. Nhóm giải pháp về nguồn lực**

- Tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ chuyên trách về an toàn thực phẩm của các tuyến đủ khả năng quản lý và điều hành các hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm. Quy định rõ nhiệm vụ, đào tạo, trang bị kiến thức, kỹ năng về quản lý an toàn thực phẩm đối với công chức cấp huyện, cấp xã kiêm nhiệm theo dõi công tác bảo đảm an toàn thực phẩm. Phát huy vai trò giám sát của cán bộ quản lý an toàn thực phẩm tuyến cơ sở.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo đảm an toàn thực phẩm. Thực hiện có hiệu quả Đề án mô hình điểm quản lý thức ăn bày bán trên đường phố giai đoạn 2017 – 2019 và tiếp tục mở rộng trong giai đoạn tiếp theo. Ban hành chính sách để huy động các nguồn lực xã hội, đặc biệt đầu tư đối với các cơ sở giết mổ tập trung. Khuyến khích hình thành và phát triển các chuỗi sản xuất chế biến thực phẩm an toàn. Hoàn thiện cơ chế quản lý, đánh giá, công nhận các tổ chức xã hội làm dịch vụ phục vụ quản lý an toàn thực phẩm thuộc các thành phần kinh tế. Tổ chức đánh giá năng lực các tổ chức kiểm nghiệm, các tổ chức chứng nhận chất lượng an toàn thực phẩm hiện có để chỉ định các cơ sở đáp ứng yêu cầu tham gia kiểm tra, chứng nhận về an toàn thực phẩm.

- Tăng cường đầu tư kinh phí cho công tác bảo đảm an toàn thực phẩm:

+ Bảo đảm cấp đủ ngân sách cho hoạt động quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, gồm: Đầu tư cho công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức và pháp luật về an toàn thực phẩm; đầu tư trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm; đầu tư phương tiện, trang thiết bị kiểm nghiệm an toàn thực phẩm; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm. Tăng dần mức đầu tư và huy động ngày một nhiều hơn nguồn kinh phí cho công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, phấn đấu đạt 20.000 đồng/người/năm vào năm 2020. Ưu tiên dành kinh phí thu được từ xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm để phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo quy định tại Nghị quyết số 43/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội. Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí, phân cấp về quản lý ngân sách đảm bảo tính chủ động của địa phương trong việc triển khai thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm.

+ Huy động các nguồn lực xã hội cho các hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm. Tích cực vận động sự hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước cho công tác bảo đảm an toàn thực phẩm. Xây dựng các chính sách ưu tiên

trong việc xem xét, phê duyệt các đề án, dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an toàn thực phẩm để bảo đảm việc thực hiện dự án được triển khai đúng tiến độ.

#### 4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách thành phố (không bao gồm nguồn kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc tại các cơ quan quản lý; kinh phí cho việc tăng biên chế tại các cơ quan quản lý nhà nước và bố trí cán bộ chuyên trách cấp xã; kinh phí cho các đề án rà soát, triển khai xây dựng khu trồng trọt, chăn nuôi, cơ sở giết mổ tập trung và các dự án chuyên ngành khác):

+ **Giai đoạn 1 (2018 – 2020):** 70.307 triệu đồng (*Bảy mươi tỷ, ba trăm linh bảy triệu đồng*); trong đó: Bố trí từ nguồn vốn sự nghiệp chi các hoạt động: 24.308 triệu đồng; bố trí từ nguồn vốn đầu tư công mua sắm phương tiện, trang thiết bị kiểm nghiệm: 45.999 triệu đồng.

+ **Giai đoạn 2 (2021 – 2030):** Căn cứ kết quả thực hiện giai đoạn 1 và tình hình thực tế sẽ xây dựng dự toán kinh phí giai đoạn 2 vào năm 2020.

#### Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ quy định của pháp luật và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố xây dựng chương trình, kế hoạch, hàng năm bố trí nguồn lực thực hiện Nghị quyết và chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

2. Giao Thường trực HĐND thành phố, các Ban của HĐND thành phố, các Tổ đại biểu HĐND thành phố và các đại biểu HĐND thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố khóa XV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 11/7/2018./.

#### Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH; Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: Y tế; Công Thương; NN&PTNT;
- TT TU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn đại biểu Quốc hội HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND TP khóa XV;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH HP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận/huyện;
- CVP; các PCVP HĐND TP;
- Báo HP; Đài PT&TH HP;
- Công báo TP; Công TTĐTTP (đề đăng);
- Các CV VP HĐND TP;
- Lưu: VT, Hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Thành



## PHỤ LỤC

### BẢNG CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU ĐẾN NĂM 2020 VÀ NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Chỉ tiêu	Đến năm 2020	Đến năm 2030
1	Tỷ lệ người quản lý có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm	100%	Duy trì 100%
2	Tỷ lệ người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm	95%	100%
3	Tỷ lệ người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm	80%	90%
4	Phòng Kiểm nghiệm an toàn thực phẩm đạt chuẩn ISO 17025	Đạt chuẩn ISO 17025	Duy trì đạt chuẩn ISO 17025
5	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm quy mô công nghiệp, tập trung được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	100%	Duy trì 100%
6	Tỷ lệ cơ sở kinh doanh thực phẩm (thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm) được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	95%	100%
7	Tỷ lệ cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống (thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm) được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	100%	Duy trì 100%
8	Tỷ lệ bếp ăn tập thể (thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm) được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	100%	Duy trì 100%
9	Tỷ lệ cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống (thuộc diện không phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm) ký bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm	100%	Duy trì 100%
10	Tỷ lệ vùng nuôi thủy sản chủ lực, tập trung có sản lượng hàng hóa lớn phục vụ cho chế biến công nghiệp được giám sát dư lượng kháng sinh, hóa chất độc hại.	100%	Duy trì 100%
11	Tỷ lệ vùng nuôi thủy sản nhỏ lẻ được giám sát dư lượng kháng sinh, hóa chất độc hại	80%	95%
12	Tỷ lệ diện tích sản xuất rau, màu áp dụng VietGAP	60%	80%

13	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định	80%	100%
14	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, bảo quản, sơ chế, chế biến thực phẩm quy mô tập trung áp dụng hệ thống đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm như GMP, HACCP, ISO 9001, ISO 22000...	80%	100%
15	Tỷ lệ cơ sở chế biến thủy sản thực phẩm quy mô công nghiệp áp dụng quản lý chất lượng theo HACCP, GMP, GHP (Thực hành vệ sinh tốt), đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm;	100%	Duy trì 100%
16	Tỷ lệ cảng cá, bến cá, tàu cá từ 90 mã lực trở lên đạt quy định về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và áp dụng các chương trình quản lý chất lượng như GMP, SSOP	80%	100%
17	Tỷ lệ cơ sở sản xuất nước đá độc lập phục vụ chế biến thủy sản đạt quy định về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và áp dụng các chương trình quản lý chất lượng như GMP, SSOP	80%	100%
18	Tỷ lệ cơ sở thu mua nguyên liệu, cơ sở sơ chế nông lâm thủy sản đạt quy định về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và áp dụng các chương trình quản lý chất lượng như GMP, SSOP	80%	100%
19	Tỷ lệ thịt, rau, củ, quả tươi sống tiêu thụ trên địa bàn thành phố có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm soát chất lượng, bảo đảm an toàn thực phẩm	60%	90%
20	Tỷ lệ chợ được quy hoạch và kiểm soát an toàn thực phẩm (không bao gồm chợ tự phát)	80%	100%
21	Số vụ ngộ độc thực phẩm cấp tính từ 30 người mắc trở lên so với trung bình giai đoạn 2011-2016	Giảm 30%	Giảm 50%
22	Số người mắc ngộ độc thực phẩm cấp tính/100.000 dân	< 07	Duy trì < 07